

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2022/DS-ST

Ngày: 12-12-2022

V/v tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Soan
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, về: “Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 400/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 123/24A đường Lê L, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 6/14 Đường số 39, khu phố 6, phường Linh Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Bích Kim N, sinh

năm 1983. Địa chỉ: Số 98A đường Trần Quốc T, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

3.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 411/34 đường Lê Đức Thọ, Phường 17, quận Gò Vấp, TP. HCM.

3.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L (Số mới: 124/26 đường Phạm Văn Đ), Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

3.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 361/21 đường Nguyễn Đình C, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

3.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 13/14 đường Thành M, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt; ông T, bà C và bà N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Cha mẹ ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ: Số 191/26 đường Lê L, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004. Năm 1988, bà Lê Thị Đ chết không để lại di chúc. Năm 2017, ông Nguyễn Văn T chết có để lại di chúc ngày 15/01/2014 cho ông H là 33,95% phần tài sản riêng của ông Thanh trong khối tài sản chung với mẹ ông H là bà Lê Thị Đ. Ông H đã thực hiện việc khai nhận di sản theo di chúc đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, nhiều lần ông H yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H là người được các anh, chị, em trong gia đình giao quản lý bản chính giấy chứng nhận nói trên nhưng bà H đều từ chối không cho nên ông H không liên hệ cơ quan chức năng để tiến hành khai nhận di sản thừa kế theo di chúc theo quy định của pháp luật.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ để ông H tiến hành thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H do bà Nguyễn Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền trình bày theo như sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc H không giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ nên bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau: Các bà không biết bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ hiện nay ai đang giữ. Nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc H là bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày theo Bản tự khai ngày 14/9/2022 như sau: Ông Hồng, ông Hòa, ông Hiếu và bà Hậu không biết bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ hiện nay ai đang giữ. Nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền

sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khẳng định bà H không giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên nên bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.*”. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H, địa chỉ: Số 123/24 đường Lê L, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn có địa chỉ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H; người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc H là bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện cho rằng bà Nguyễn Thị Ngọc H là chị ruột của ông H có hành vi chiếm giữ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ vì khi cha ông chết có nói rõ với ông là giao giấy chứng nhận nói trên cho bà H cất giữ. Việc cha ông giao cho bà H cất giữ, quản lý giấy chứng nhận nói trên có anh, chị, em trong gia đình chứng kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc H là người được cử và hiện đang là người giữ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 12937/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 05/10/2004. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mà xác định các anh, chị, em trong gia đình đều chứng kiến việc ông Thanh giao bản chính giấy chứng nhận nêu trên cho bà H cất giữ. Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại các bản tự khai và các Biên bản làm việc tại Tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H do bà Nguyễn Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H; người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Ngọc H là bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H đều khẳng định bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải là người cất giữ bản chính giấy chứng nhận nêu trên và hiện nay không biết bản chính ở đâu.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Đối chiếu với quy định trên việc nguyên đơn cho rằng ông Thanh giao cho bà H cất giữ Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, ông H trình bày việc này có các anh, chị, em trong gia đình ai cũng chứng kiến nhưng bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định không biết. Mặt khác, ông H cho rằng đã nhiều lần mượn bà H bản chính giấy chứng nhận nêu trên để đi làm bảo hiểm y tế và đã trả lại cho bà H nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Như vậy, nguyên đơn không chứng minh được bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H là người đang giữ giấy chứng nhận nêu trên và có hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn xác định không giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H phải giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 12937/2004 ngày 05/10/2004 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải chịu nhưng ông Nguyễn Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mộng Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền